BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 21/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.203.Phòng học Điện tử)			Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.207)	An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		3																			
		4																			
		5																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống khí nén, điện - khí nén Lê Kiên Cường (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh ()	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng (X22.109)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)					Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7																			
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)		Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		9																			
		10												Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)					Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
Thứ 3 22/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.203.Phòng học Điện tử)			Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)		An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		2																			
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống khí nén, điện - khí nén Lê Kiên Cường (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh ()	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng (X22.109)			Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.207)				Vật lý 3 Chu Thị Tình (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tình (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		7																			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		9																			
		10											Vật lý 3 Chu Thị Tình (H5.102)				Vật lý 3 Chu Thị Tình (H5.102)				
Thứ 4 23/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.203.Phòng học Điện tử)			Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán quản trị Lương Thị Hương (H3.207)	Công nghệ mạng không dây Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		2																			
		3																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		5																			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống khí nén, điện - khí nén Lê Kiên Cường (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh ()	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng (X22.109)							Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.203.Phòng học Điện tử)			Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)		Công nghệ mạng không dây Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)			Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		2																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3													Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		4																			
		5																			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống khí nén, điện - khí nén Lê Kiên Cường (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh ()	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng (X22.109)			Kế toán quản trị Lương Thị Hương (H3.207)				Vật lý 3 Chu Thị Tình (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tình (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7																			
		8											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)		
		9																			
		10																			
Thứ 6 25/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh ()			Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)									
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống khí nén, điện - khí nén Lê Kiên Cường (X22.203)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh ()	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng (X22.109)															HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 26/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 21/10	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			
		2	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			
		3												Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			
		4	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			
		5																				
	Chiều	6		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)					
		7											CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)					
		8		Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)					
		9		Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)																	
		10																				
Thứ 3 22/10	Sáng	1												Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			
		2												Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			
		3												CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			
		4												Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			
		5																				
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)					
		7		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)					
		8	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)					
		9	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)										Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)					
		10																				
Thứ 4 23/10	Sáng	1	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)			
		2																				
		3	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			
		4	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)																			
		5	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)												Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển ()				Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển ()			
	Chiều	6		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)				
		7												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				
		8		Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)					
		9												Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				
		10		Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)					

LỚP			62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			
		2	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			
		3	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)												CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			
		4													CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			
	Chiều	6		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			
		7		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			
		8		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)					
		9		CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			
		10		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)									CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			
Thứ 6 25/10	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)								HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 26/10	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 21/10	Sáng	1														Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)					Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		2														CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		3														CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)
		4														Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)
		5																		CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			LĐ		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)			
		7				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)															
		8	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Không Thị An Giang (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			
		9	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			
		10	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)				Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			
Thứ 3 22/10	Sáng	1						Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		2						CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)									
		3						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	
		4						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)
		5														CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
	Chiều	6	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			
		7															Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			
		9	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			
		10																				
Thứ 4 23/10	Sáng	1						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)
		2														Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)
		3						Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H3.104)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H3.104)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	
		4						CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)
		5						Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)					Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)					LĐ	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			
		7				Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)										
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)			
		9				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)				
		10									CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				

LỚP			62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 24/10	Sáng	1									Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)
		2									CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	
		3									CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)
		4														Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)
		5									Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	
	Chiều	6	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					LĐ	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			
		7	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)									
		8				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)												Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)			
		9	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			
		10	CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			
Thứ 6 25/10	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)	HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 26/10	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 21/10	Sáng	1	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)												Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1-1-1-2024(N03) (...)			Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Đặng Việt Hùng ()
		2																				
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)																	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		
		4	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		CĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		7																		CĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	
		8		Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)														CĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		9																				
		10																Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	
Thứ 3 22/10	Sáng	1		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)																		
		2												Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)								
		3		CĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)																		
		4		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)															Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Đặng Việt Hùng ()
		5																				
	Chiều	6	CĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)												Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N04) (...)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	
		7	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)													Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-2024(N01) Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	
		8																Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				
		9	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)																	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	
		10																CĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	
Thứ 4 23/10	Sáng	1	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)													Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N05) (...)			Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			
		2												Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)								
		3	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)																	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		
		4	CĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)																			
		5	CĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)																			
	Chiều	6		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)											Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-1-2024(N02) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	
		7																				
		8		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														CĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	
		9		CĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	CĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	
		10		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 24/10	Sáng	1		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)																		
		2	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Đặng Việt Hùng ()
		3		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																		
		4	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																		
		5	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)																			
	Chiều	6												Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N03) (...)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Quản trị mạng với Windows Server-1-1-2024(N01) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				
		7																Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	
		8																Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	
		9																HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		10																				
Thứ 6 25/10	Sáng	1																				
		2												Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)							Thiết bị điện gia dụng Đặng Việt Hùng ()
		3																		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)										Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-1-2024(N01) (...)						Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên ()		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 26/10	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 21/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử công suất Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6									Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)						Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		7																			Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	
		8															CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)					CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
		9																			Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	
		10															Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
Thứ 3 22/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử công suất Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6									Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)						Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		7																			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	
		8															Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		9																			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)
		10															CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	
Thứ 4 23/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử công suất Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6									Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)						Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)					Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		7																			Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	
		8															CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		9															Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		10															Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TGK2B	63TGK2C	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																						
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)			Điện tử công suất Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)			Thuế Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																						
		3																						
		4																						
		5																						
	Chiều	6									Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)						CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)							
		7															Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)						Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)
		8															Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)						Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		9															HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)						HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		10																						
Thứ 6 25/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba ()		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()						Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)	Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()	Thuế Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	
		2																						
		3																						
		4																						
		5																						
	Chiều	6				Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()								Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()					Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()		
		7																						
		8																						
		9																						
		10																						
Thứ 7 26/10	Sáng	1				Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()							Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()					Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()		
		2																						
		3																						
		4																						
		5																						
	Chiều	6				Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()								Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()					Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()		
		7																						
		8																						
		9																						
		10																						

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																			
Thứ 2 21/10	**Sáng**	1	Thuế Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)								Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)		Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)
		7												Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)		
		8	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)							Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		9	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)											CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)		
		10					CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)							CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
Thứ 3 22/10	**Sáng**	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)				Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)				Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		7					Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)							Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)
		9	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		10					Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
Thứ 4 23/10	**Sáng**	1	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)				Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)				Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)
		7	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)					Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)		
		8					Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)
		9	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)
		10	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)								CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)

LỚP			63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.106_Khoa SP- KT)				Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)				Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202) Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202) Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)
		7									Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)						
		8	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)
		10																			
Thứ 6 25/10	Sáng	1	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Thị Thu Hà ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()	Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương ()	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Thị Thu Hà ()			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()			Ktra: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-2024(N03) Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương ()				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 26/10	Sáng	1		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()							Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương ()				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt ()			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()							Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương ()				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 21/10	Sáng	1		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.101)		Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)			Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)						Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		An toàn và môi trường Nguyễn Thị Hường (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)
		2																		
		3																		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)
		4																		
		5																		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)
	Chiều	6	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	KI thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)	Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)								
		7				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)														
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)														An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)
		9		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)															
		10	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)			Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)														
Thứ 3 22/10	Sáng	1		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phùng Thị Minh Phương (H3.101)		Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)										Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		An toàn và môi trường Nguyễn Thị Hường (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)
		2																		
		3																		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)
		4																		
		5																		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	KI thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)		Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)								
		7	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)														
		8	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)														An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)
		9	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)														
		10	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)														
Thứ 4 23/10	Sáng	1			Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)			Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)				Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.105_Khoa SP- KT)	Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.105_Khoa SP- KT)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)
		2																		
		3																		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)
		4																		
		5																		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)		Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)								
		7	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)																	
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)														An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)
		9	Địa lý 11_1 Không Thị An Giang (H5.201)			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)														
		10		CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)														

LỚP			63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.207)		Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)				Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)				Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.105_Khoa SP- KT)	Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.105_Khoa SP- KT)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Ktra: An toàn và môi trường-1-1-24(N12) Nguyễn Thị Hường (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)
		2																		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)
		3																		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tình (H5.301)
		4																		
		5																		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)		Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)								
		7																		
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)														An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)														
		10																		
Thứ 6 25/10	Sáng	1			Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)				Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.105_Khoa SP- KT)	Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.105_Khoa SP- KT)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.207)		Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)			Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)								
		7																		
		8																		An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)
		9		Ktra: Photoshop-1-1-2024(N02) Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)																
		10																		
Thứ 7 26/10	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																		
Thứ 2 21/10	**Sáng**	1	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	
		2	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)	
		3	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		
		4		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	
		5	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)				CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
	Chiều	6	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)							Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.103)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 22/10	**Sáng**	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	
		2					Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)						Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)	
		3	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		
		4	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
		5		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)				Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
	Chiều	6	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)					Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 23/10	**Sáng**	1	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	
		2																		
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	
		4	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	
		5		CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		
	Chiều	6	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)						Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)				Tin học Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.103)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuý (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	
		2				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)				Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	
		3	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)												Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)			
		4	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	
		5			Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)			
	Chiều	6	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)						Tin học Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tin học Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 25/10	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)				Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)					Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường ()
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)					Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)	Tin học Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tin học Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)		
		7																		
		8																		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường ()
		9																		
		10																		
Thứ 7 26/10	Sáng	1																		
		2																		
		3																		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà ()
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà ()
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 21/10 Đến 27/10/2024

LỚP			64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 2 21/10	Sáng	1	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3			Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6			Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)				Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Tin học Lê Thị Châm (H3.111_TH THCB)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()					
		7																
		8																Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9																
		10																
Thứ 3 22/10	Sáng	1	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)						
		3		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
		4	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6			Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.208)			Tin học Lê Thị Châm (H3.111_TH THCB)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()					
		7																
		8																Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9																
		10																
Thứ 4 23/10	Sáng	1	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)							
		3		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4					Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)			Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
	Chiều	6	Vật liệu điện Cao Thị Thu (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.104)			Tin học Lê Thị Châm (H3.111_TH THCB)			Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		An toàn và môi trường Nguyễn Văn Lực (H3.108_CNTT)	An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.208)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	
		7																
		8																
		9																
		10																

LỚP			64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																
Thứ 5 24/10	Sáng	1	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		2	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		3		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		4	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		5			Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)													
	Chiều	6	Vật liệu điện Cao Thị Thu (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)				Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Tin học Lê Thị Châm (H3.111_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		An toàn và môi trường Nguyễn Văn Lực (H3.108_CNTT)	An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.208)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	
		7																
		8																
		9						Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)										
		10																
Thứ 6 25/10	Sáng	1	Vật liệu điện Cao Thị Thu (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)								Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6		Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)			Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.101)					Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu ()	An toàn và môi trường Nguyễn Văn Lực (H3.108_CNTT)	An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.208)		
		7																
		8																
		9																
		10																
Thứ 7 26/10	Sáng	1												Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu ()				
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6												Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu ()				
		7																
		8																
		9																
		10																